TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 25/6/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hà và ông Lê Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Duy Thường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - N sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trịnh Văn H, sinh năm 1993.

2. Bị đơn: Chị Ngô Bích N, sinh năm 1993.

Các đương sự cùng địa chỉ: Tổ dân phố V, phường D, tỉnh Ninh Bình.

Phiên toà vắng mặt: Anh H, chị N (đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn - anh Trịnh Văn H; lời khai của bị đơn - chị Ngô Bích N; nội dung vụ án được xác định như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Văn H và chị Ngô Bích N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam (nay là phường D, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo anh Trịnh Văn H trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn ban đầu xuất phát từ việc vợ chồng anh mua xe ô tô để kinh doanh vận tải hàng hóa nhưng hoạt động làm ăn thua lỗ, phát sinh nhiều khoản nợ. Để có điều kiện trả nợ, anh vào miền N làm việc và có động viên chị N đi cùng nhưng chị không đồng ý. Do sống xa nhau trong thời gian dài, ít liên lạc nên tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt; trong thời gian này anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Đến năm 2022, anh được

biết chị N có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác tại nhà nghỉ và bị em gái anh là chị Trịnh Thu H1 phát hiện, báo cho anh biết. Kể từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Tháng 01/2023, anh trở về địa phương nhưng thuê nhà ở riêng, không chung sống cùng chị N. Tháng 01/2024, anh bị Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam xử phạt 36 tháng tù về tội "*Giao cấu với trẻ em*" và chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Trong thời gian anh chấp hành án, chị N không một lần đến thăm gặp hoặc động viên anh. Đến tháng 5/2025, sau khi được tha tù trước thời hạn, anh tiếp tục nhận được hình ảnh, video thể hiện việc chị N có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên giữa hai bên tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Anh H cho rằng từ năm 2020 đến nay vợ chồng anh không còn tình cảm, thường xuyên sống ly thân. Mặc dù vậy, đến tháng 8/2025, hai bên vẫn cùng nhau xây dựng một căn nhà chung trên phần đất của ông bà nội anh để làm nơi ở cho các con. Hiện nay, vợ chồng anh cùng sinh sống trong căn nhà này nhưng ăn riêng, ở riêng, không còn quan hệ vợ chồng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N không còn, nên anh yêu cầu được ly hôn chị N.

Chị Ngô Bích N cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chị xuất phát từ việc anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Khoảng tháng 5/2021, anh H vào miền N làm việc và sinh sống, từ đó anh H ít quan tâm đến gia đình và không thực hiện đầy đủ trách nhiệm kinh tế đối với vợ con như trước. Đầu năm 2023, anh H trở về địa phương nhưng không về chung sống cùng chị mà thuê nhà ở riêng. Đến tháng 01/2024, anh Hậu bị Tòa án xét xử và phải chấp hành án phạt tù. Trong thời gian này, chị đã nhiều lần cùng bố mẹ đẻ của anh H đến thăm gặp, động viên anh H. Sau khi anh H được tha tù trước thời hạn vào tháng 5/2025, vợ chồng chị tiếp tục chung sống và cùng xây dựng ngôi nhà chung trên phần đất của gia đình bên nội anh H. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 02/2026, vợ chồng chị tiếp tục phát sinh mâu thuẫn khi chị phát hiện anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Từ đó, anh H thường xuyên yêu cầu ly hôn. Hiện nay, mặc dù chị và anh H vẫn cùng sinh sống trong căn nhà chung do vợ chồng xây dựng trên đất của ông bà nội anh H nhưng hai bên ăn riêng, sinh hoạt riêng. Đối với nội dung anh H cho rằng chị có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, chị N thừa nhận trong thời gian anh H đi làm ăn xa tại miền N, chị có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác và sự việc đã bị em gái anh H phát hiện. Tuy nhiên, chị cho rằng sự việc đã xảy ra từ trước, anh H đã biết và chấp nhận bỏ qua. Nay anh H yêu cầu ly hôn, chị xác định anh H đã nhiều lần phản bội, làm ảnh hưởng đến danh dự và tình cảm của chị; song vì thương các con còn nhỏ nên chị không đồng ý ly hôn và đề nghị được đoàn tụ.

2. Về con chung: Anh H và chị ngọc đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung gồm: Cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 09/02/2015 và cháu Trịnh Gia H2, sinh ngày 17/8/2017. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng anh H và chị N, trong đó chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh H và chị N thống nhất giao cháu B cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu H2 cho

chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với nhau.

Ngoài ra, anh H và chị N xác định vợ chồng không có con nuôi, không có con riêng; hiện chị N không mang thai và không nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

Theo biên bản ghi nhận ý kiến của con chung, cháu B và cháu H2 đều có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng chị N. Nguyện vọng của các cháu được Tòa án ghi nhận để xem xét theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Anh H, chị N đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Anh H, chị N đều trình bày vì lý do công việc nên anh chị đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Vắng mặt các đương sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình có ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật. Anh Trịnh Văn H và chị Ngô Bích N đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Trịnh Văn H và chị Ngô Bích N đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị xử cho ly hôn giữa anh Trịnh Văn H và chị Ngô Bích N. Về con chung, đề nghị giao cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 09/02/2015 cho anh H nuôi dưỡng; giao cháu Trịnh Gia H2, sinh ngày 17/8/2017 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, đôi bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Các vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không giải quyết. Về án phí: Anh H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện của anh Trịnh Văn H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét anh Trịnh Văn H và chị Ngô Bích N đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Văn H và chị Ngô Bích N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020. Nguyên nhân mâu thuẫn theo các bên trình bày tuy có khác nhau nhưng cả anh H và chị N đều thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân cả hai bên đều đã có quan hệ tình cảm với người khác, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm vợ chồng, gây mất lòng tin lẫn nhau và là nguyên nhân khiến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn giữa anh H và chị N đã kéo dài nhiều năm nhưng không được khắc phục. Từ năm 2023 cho đến nay, các bên không còn duy trì được đời sống chung đúng nghĩa của vợ chồng; mặc dù vợ chồng vẫn có thời gian cùng xây dựng và sinh sống chung trong cùng một ngôi nhà nhưng thực tế lại ăn riêng, sinh hoạt riêng, không còn quan tâm, chăm sóc nhau như vợ chồng. Điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa các bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức.

Mặt khác, mặc dù chị N không đồng ý ly hôn và có nguyện vọng đoàn tụ, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, không tham gia hòa giải và cũng không đưa ra được biện pháp cụ thể nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong khi đó, anh H kiên quyết xin ly hôn và xác định không còn tình cảm với chị N. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định hôn nhân giữa anh H và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh H là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh H và chị N có 02 con chung là cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 09/02/2015 và cháu Trịnh Gia H2, sinh ngày 17/8/2017. Trường hợp ly hôn, các đương sự thống nhất giao cháu B cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu H2 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; đôi bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Mặt khác, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện anh H và chị N đều có điều kiện để bảo đảm việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Đối với nguyện vọng của các cháu B và H2 muốn được ở với chị N, Hội đồng xét xử đã xem xét theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; tuy nhiên, xét tổng thể các điều kiện bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và sự thống nhất của các đương sự thì việc giao mỗi bên trực tiếp nuôi dưỡng một con vẫn bảo đảm sự ổn định trong việc chăm sóc, giáo dục và phát triển của các cháu.

Do đó, có căn cứ chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự; giao cháu B cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu H2 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Do anh H, chị N đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố Tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Trịnh Văn H và chị Ngô Bích N.

2. Về con chung:

- Giao anh Trịnh Văn H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2015, cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

- Giao chị Ngô Bích N được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trịnh Gia H2, sinh ngày 17 tháng 8 năm 2017, cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi.

Anh Trịnh Văn H và chị Ngô Bích N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành

viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Trịnh Văn H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số: 0001012 ngày 06 tháng 3 năm 2026, tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 6 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Duy Tiên, tỉnh Ninh Bình;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Duy